

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 22/2019/DS-ST
Ngày: 16/07/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Khuất Thị Phương Lan

*Các hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Xuân Miễn
Bà Nguyễn Thị Thân*

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà My- Cán bộ Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa :
Bà Nguyễn Bích Hòa – Kiểm sát viên

Ngày 16/07/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/ TLST-DS ngày 03/10/2018 về việc ‘ *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*’.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXX - DS ngày 03/06/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/QĐ –HPT ngày 24/06/2019 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Trụ sở : Phường N, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T–Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền : Bà Trần Khánh L – Cán bộ xử lý nợ.

Địa chỉ : quận H, Hà Nội.

- Bị đơn : Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1983.

Bà Trần Thị T, sinh năm 1984.

HKTT: phường L, quận HBT, Hà Nội.

Nơi ở: phường T, quận HBT, Hà Nội.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Ánh K, sinh năm 1966.

Anh Trần Trọng P, sinh năm 1985.

Anh Trần Đình Q, sinh năm 1991.

Cùng có HKTT và nơi ở tại : phường L, quận L, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A trình bày :

Ngày 05/12/2017, Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là A) và ông Nguyễn Đức T, bà Trần Thị T đã ký Hợp đồng cấp tín dụng số MYD.CN.75.041217 để vay 4.600.000.000 đồng với thời hạn vay là 180 tháng, mục đích vay để mua nhà đất tại thửa đất 73(8c) -3 tờ bản đồ 6 địa chỉ phường L, quận L, Hà Nội. Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân số tiền vay trên cho ông T ,bà T thông qua khế ước nhận nợ 251285459 cùng ngày.

Hai bên thỏa thuận mức lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm, cố định trong 12 tháng , sau đó lãi suất điều chỉnh 03 tháng /1 lần theo phương thức $LS13 + 3,9\%/năm + X$, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Căn cứ Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Nguyễn Đức T, ngày 07/12/2017 và ngày 11/12/2017 Ngân hàng TMCP A đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Đức T với số tiền ở thẻ tín dụng thứ nhất cấp ngày 07/12/2017 có hạn mức là 50 triệu đồng, thẻ tín dụng 2 cấp ngày 11/12/2017 có hạn mức 150 triệu đồng, lãi suất trong hạn được quy định theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng với thẻ 1 là 29%/năm, thẻ 2 là 27%/năm.

Trong quá trình vay vốn, ông T, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 02/07/2018 Ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay chưa thanh toán. Đối với việc sử dụng thẻ tín dụng , ông T cũng không thanh toán đầy đủ theo thông báo giao dịch hàng tháng nên ngày 05/07/2018 Ngân hàng đã quyết định chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng và thu hồi nợ trước hạn với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của cả hai thẻ tín dụng trên.

Tính đến ngày 16/07/2019 ông T, bà T còn nợ khoản vay theo hợp đồng tín dụng số tiền gốc là 4.574.440.000 đồng, lãi trong hạn 228.596.673 đồng và lãi quá hạn là 651.801.465 đồng.

Đối với khoản nợ thẻ tín dụng, hiện ông T còn nợ thẻ thứ nhất số tiền 164.759.901 đồng , gồm dư nợ tính lãi quá hạn (gốc) 145.227.560 đồng, dư nợ không tính lãi quá hạn là 19.568.341 đồng , thẻ thứ hai là 53.458.012 đồng, gồm dư nợ tính lãi quá hạn (gốc) là 47.404.726 đồng, dư nợ không tính lãi quá hạn là 6.053.286 đồng và tiền lãi quá hạn từ thời điểm chuyển nợ quá hạn của 2 khoản sử dụng thẻ cho đến nay.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 73(8c) - 3 tờ bản đồ 6 , phường L, quận L, Hà Nội thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Nguyễn Đức T, bà Trần Thị T theo HĐ thế chấp MYD.BĐCN.20.041217 tại VP công chứng Tuệ Tĩnh, Hà Nội.

Ngân hàng TMCP A đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T, bà T phải thanh toán toàn bộ các khoản nợ nêu trên bao gồm nợ gốc và nợ lãi, ông T, bà T tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kể từ ngày 17/7/2019 cho đến khi thanh toán hết số nợ. Trường hợp ông bà không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo trên để thu hồi nợ của ông T, bà T. Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Đức T trình bày :

Ngày 05/12/2017 ông T và vợ là bà Trần Thị T có ký hợp đồng tín dụng MYD.CN.75.041217 để vay số tiền 4.600.000.000 đồng, thời hạn vay 180 tháng mục

đích để mua nhà đất tại thửa đất 73 (8c) - 3 tờ bản đồ 6 địa chỉ phường L, quận L, Hà Nội.

Sau đó Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay thông qua khế ước nhận nợ 251285459 ngày 05/12/2017.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông ngày 07/12/2017 và ngày 11/12/2017 Ngân hàng TMCP A đã đồng ý cấp 2 thẻ tín dụng cho ông T với Thẻ tín dụng thứ nhất cấp ngày 07/12/2017 hạn mức thẻ là 50 triệu đồng, thẻ tín dụng 2 có hạn mức 150 triệu đồng, lãi suất trong hạn, quá hạn được quy định theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng.

Hiện ông T còn nợ số tiền vay tín dụng là 4.794.398.221 đồng và khoản nợ thẻ tín dụng bao gồm nợ gốc và toàn bộ lãi phát sinh như yêu cầu thanh toán trên của Ngân hàng TMCP A

Khi ký kết các hợp đồng vay trên, vợ chồng ông có thể chấp quyền sử dụng đất thửa đất 73(8c) - 3 tờ bản đồ 6 địa chỉ phường L, quận L, Hà Nội thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông và vợ ông theo hợp đồng công chứng tại VPCC Tuệ Tĩnh, Hà Nội.

Trong quá trình kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên ông không có khả năng trả nợ gốc và lãi, ông đề nghị ngân hàng xử lý phát mại tài sản vợ chồng ông đã thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng.

Về nhà đất tại địa chỉ phường L, quận L, Hà Nội, vợ chồng ông mua của ông M năm 2017, hai bên đã làm thủ tục công chứng sang tên sổ đỏ theo quy định của pháp luật. Lúc mua vợ chồng ông có sang xem và không thấy có bất cứ ai sinh sống ở đó. Do chưa có nhu cầu sử dụng nên vợ chồng ông đồng ý cho ông M tiếp tục sử dụng, đến cuối năm 2018 ông mới biết có người ở tại căn nhà trên là gia đình bà K, ông đã yêu cầu ông M làm việc với những người sống trên đất đó, ông M nói sẽ giải quyết nội bộ. Hiện ông cũng không có số điện thoại và không biết ông M ở đâu.

+ **Bà Trần Thị T trình bày:** Việc vợ chồng bà ký kết Hợp đồng tín dụng MYD.CN.75.041217 ngày 05/12/2017 đúng như ông T trình bày. Tài sản đảm bảo là thửa đất 73(8c) - 3 tờ bản đồ 6 địa chỉ phường L, quận L, Hà Nội theo Giấy CN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp năm 2017 mang tên ông T, bà T. Số tiền vợ chồng bà vay Ngân hàng là 4.600.000.000 đồng, do khó khăn trong kinh doanh nên vợ chồng bà không thanh toán theo cam kết, nay Ngân hàng khởi kiện bà xác nhận số tiền nợ gốc ,lãi như Ngân hàng yêu cầu, ngoài ra còn khoản nợ thẻ tín dụng của ông T. Bà đề nghị Ngân hàng xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan** là bà Nguyễn Ánh K, anh Trần Trọng P, anh Trần Trọng K là những người hiện đang có hộ khẩu và sinh sống trên thửa đất 73(8c) - 3 tờ bản đồ 6 địa chỉ phường L, quận L, Hà Nội đã được Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không đến tòa để thực hiện các quyền nghĩa vụ của mình với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng TMCP A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T bà T phải thanh toán khoản vay hợp đồng tín dụng và khoản vay từ thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp 2 thẻ tín dụng của ông T với tổng số tiền nợ là 5.744.672.151 đồng gồm nợ gốc ,nợ lãi trong hạn,lãi quá hạn tính đến ngày xử sơ thẩm. Ông T, bà T tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận 2 bên đã

ký cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc. Trường hợp ông T, bà T không thực hiện Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:**

- **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và việc tiến hành thu thập chứng cứ.

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tòa án tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật tố tụng DS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS. Đối với các đương sự vắng mặt đã được tòa án thực hiện việc niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

- Căn cứ Điều 26, 35, Đ39, Đ207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 117, 305, 317, 319, 323, 466, 468 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Nghị quyết số 326/2016 của UB thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị định số 11/2006/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về giao dịch đảm bảo.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với ông Nguyễn Đức T, bà Trần Thị T.

Buộc ông T, bà T có trách nhiệm phải thanh toán toàn bộ gốc phát sinh từ hợp đồng tín dụng MYD.CN.75.041217 ngày 05/12/2017 gồm : số tiền gốc là 4.574.440.000 đồng lãi trong hạn là 228.596.673 đồng (từ ngày 05/12/2017 đến 16/07/2018), lãi quá hạn là 651.801.465 đồng (từ ngày 17/07/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm); Số tiền đối với thẻ tín dụng cấp ngày 07/12/2017: dư nợ tính lãi là: 47.404.726 đồng, lãi trong hạn là 6.053.286 đồng (từ ngày 07/12/2017 đến ngày 10/08/2018), lãi quá hạn là 19.208.655 đồng (từ ngày 11/08/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm). Đối với thẻ tín dụng cấp ngày 11/12/2017: dư nợ tính lãi là 145.227.560 đồng, lãi trong hạn là 19.568.341 đồng (từ ngày 11/12/2017 đến ngày 25/08/2018), lãi quá hạn 52.371.445 đồng (tính đến ngày xét xử sơ thẩm)

+ Ông T, bà T tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc tại các khoản vay trên.

+ Chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 73(8c)-3 tờ bản đồ 6 địa chỉ phường L, quận L, Hà Nội thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị T theo hợp đồng công chứng tại VPCC Tuệ Tĩnh, Hà Nội để thu hồi nợ trong trường hợp Ông T và Bà T không thanh toán được nợ cho Ngân hàng

Các đương sự phải nộp án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Căn cứ vào đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị T phải thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng MYD.CN.75.041217 ngày 05/12/2017 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 07/12/2017 và 11/12/2017 với mục đích vay mua nhà đất nên xác định quan hệ

pháp luật là tranh chấp về Hợp đồng dân sự. Bị đơn ông T, bà T có nơi cư trú tại quận Hai Bà Trưng, Hà Nội do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ông Nguyễn Đức T, bà Trần Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Ánh K, anh Trần Trọng P, anh Trần Đình Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 05/12/2017, Ngân hàng TMCP A, ông Nguyễn Đức T, bà Trần Thị T đã ký Bản thỏa thuận về các điều khoản điều kiện tín dụng chung và Hợp đồng cấp tín dụng số MYD.CN.75.041217 để ông T, bà T vay Ngân hàng TMCP A số tiền 4.600.000.000 đồng với mục đích mua nhà đất tại thửa đất 73(8c) - 3 tờ bản đồ 6 địa chỉ phường L, quận L, Hà Nội. Thời hạn vay là 180 tháng, lãi suất theo thỏa thuận tại khế ước nhận nợ cụ thể. Cùng ngày Ngân hàng TMCP A đã giải ngân số tiền vay trên cho ông T, bà T theo khế ước nhận nợ số 01 với mức lãi suất vay là 9,5%/năm, lãi suất cố định trong thời hạn 12 tháng, sau đó điều chỉnh 03 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Căn cứ Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Nguyễn Đức T, ngày 07/12/2017 và ngày 11/12/2017 Ngân hàng TMCP A đã đồng ý cấp thẻ tín dụng quốc tế cho ông Nguyễn Đức T với số tiền cụ thể: Thẻ tín dụng số 4791392550173120 cấp ngày 07/12/2017 với hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng; Thẻ tín dụng số 4365991000203001 cấp ngày 11/12/2017 có hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng, thỏa thuận về lãi vay theo quy định về lãi suất cho vay Thẻ do Ngân hàng ban hành tại từng thời điểm. Theo văn bản 584/NVCV –TTT ngày 29/9/2017 quy định về lãi suất cho vay thẻ của Ngân hàng TMCP A thì mức lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng cấp ngày 07/12/2017 là 29%/năm, đối với thẻ tín dụng cấp ngày 11/12/2017 là 27%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Trong quá trình vay vốn và sử dụng thẻ tín dụng, ông T, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 02/07/2018 Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng, đối với việc sử dụng thẻ tín dụng, ngày 05/07/2018 Ngân hàng quyết định chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng và thông báo thu hồi nợ trước hạn với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của cả hai thẻ tín dụng đã cấp cho ông T. Đến nay ông T, bà T còn nợ tiền gốc và toàn bộ tiền nợ lãi phát sinh từ khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số MYD.CN.75.041217 và khoản tiền sử dụng 2 thẻ tín dụng trên.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 73(8c) -3 tờ bản đồ 6 phường L, quận L, Hà Nội thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Nguyễn Đức T, bà Trần Thị T theo HĐ thế chấp MYD.BĐCN.20.041217 tại VP công chứng Tuệ Tĩnh, Hà Nội.

Do ông T, bà T không thanh toán khoản vay nợ cho Ngân hàng như cam kết nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà T phải thanh toán các khoản vay trên theo Hợp đồng cấp tín dụng số MYD.CN.75.041217 và khoản tiền sử dụng 2 thẻ tín dụng bao gồm nợ gốc và toàn bộ nợ lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho đến khi thanh toán hết số nợ. Trường hợp ông T, bà T không trả nợ Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 73(8c) - 3 tờ bản đồ 6 địa chỉ phường L, quận L, Hà

Nội mang tên ông Nguyễn Đức T, bà Trần Thị T để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về yêu cầu thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng.

Hợp đồng cấp tín dụng số MYD.CN.75.041217 ngày 05/12/2017 giữa Ngân hàng TMCP A với ông Nguyễn Đức T, bà Trần Thị T và Thẻ tín dụng số 4791392550173120 ngày 07/12/2017, thẻ tín dụng số 4365991000203001 ngày 11/12/2017 Ngân hàng TMCP A cấp cho ông Nguyễn Đức T được Ngân hàng TMCP A, ông T, bà T thỏa thuận ký kết trên cơ sở tự nguyện, các bên tham gia hợp đồng có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, về hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại điều 117, 398, 401, 463 Bộ luật dân sự về Hợp đồng vay tài sản, nội dung, điều kiện hiệu lực của Hợp đồng và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị hiệu lực đối với các bên tham gia ký kết.

Sau khi ký hợp đồng, ngày 05/12/2017 Ngân hàng TMCP A đã thực hiện việc giải ngân số tiền 4.600.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng thông qua khế ước nhận nợ số 01 cho ông Nguyễn Đức T, bà Trần Thị T, ngày 07/12/2017 cấp thẻ tín dụng số 4791392550173120 với hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng và ngày 11/12/2017 cấp thẻ tín dụng số 4365991000203001 với hạn mức tín dụng là 150.000.000 đồng cho ông Nguyễn Đức T. Trong quá trình thực hiện hợp đồng và sử dụng thẻ tín dụng ông T bà T đã vi phạm điều khoản cam kết về thanh toán, số tiền ông T, bà T còn nợ theo hợp đồng tín dụng MYD.CN.75.041217 ngày 05/12/2017 là 4.574.440.000 đồng (gốc), thẻ tín dụng 4791392550173120 ngày 07/12/2017 gốc 47.404.726 đồng, thẻ tín dụng 4365991000203001 ngày 11/12/2017 nợ gốc là 145.227.560 đồng cùng toàn bộ tiền lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng và việc sử dụng thẻ tín dụng trên.

Về lãi suất: Tại Điều 2 của hợp đồng tín dụng số MYD.CN.75.041217 và Điều 2.2 của khế ước nhận nợ số 01 ngày 05/12/2017 hai bên thỏa thuận “ *mức lãi suất cho vay là 9,5%/năm, lãi suất cố định trong thời hạn 12 tháng, sau đó điều chỉnh 03 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% ...*” Do ông T, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 02/07/2018 Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng và áp dụng mức lãi suất quá hạn kể từ ngày 17/7/2018, số tiền lãi của khoản vay theo hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng yêu cầu ông T, bà T phải thanh toán là 228.596.673 đồng lãi trong hạn (từ ngày 05/12/2017 đến ngày 16/07/2018), lãi quá hạn (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) là 651.801.465 đồng.

Theo Điều 5.1.b, điều 10.1 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quy định mức lãi suất cho vay thẻ do Ngân hàng TMCP A ban hành tại từng thời điểm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Theo văn bản 584/NVCV –TTT ngày 29/9/2017 của Ngân hàng TMCP A quy định về mức lãi suất vay thẻ tín dụng, tại thời điểm Ngân hàng cấp thẻ tín dụng

cho ông T mức lãi suất áp dụng đối với thẻ 4791392550173120 ngày 07/12/2017 là 29%/năm, đối với thẻ 4365991000203001 ngày 11/12/2017 là 27%/năm. Quá trình sử dụng thẻ, ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nên ngày 05/07/2018 Ngân hàng đã có Thông báo chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi trước hạn toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán cấp cho ông T. Ngày 10/8/2018 chuyển nợ quá hạn đối với thẻ cấp ngày 07/12/2017, ngày 25/08/2018 chuyển nợ quá hạn đối với thẻ cấp ngày 11/12/2017. Số tiền lãi Ngân hàng yêu cầu ông T phải thanh toán đối với thẻ cấp

ngày 07/12/2018 là 6.053.286 đồng lãi trong hạn (từ ngày 07/12/2017 đến ngày 10/08/2018) và 19.208.655 đồng lãi quá hạn (từ ngày 11/08/2018 đến ngày 16/7/2019); Đối với thẻ tín dụng cấp ngày 11/12/2017 là 18.853.008 đồng lãi trong hạn (từ ngày 11/12/2017 đến ngày 25/8/2018) và 52.371.445 đồng lãi quá hạn (từ ngày 26/8/2018 đến ngày 16/7/2019).

Về phía ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị T cũng xác nhận chưa thanh toán khoản vay từ hợp đồng tín dụng MYD.CN.75.041217 ngày 05/12/2017 là 4.574.440.000 đồng (gốc), thẻ tín dụng 4791392550173120 cấp ngày 07/12/2017 là 47.404.726 đồng (gốc), thẻ tín dụng 4365991000203001 cấp ngày 11/12/2017 là 145.227.560 đồng (gốc) cùng toàn bộ tiền lãi trong hạn ,lãi quá hạn phát sinh từ hợp đồng và việc sử dụng thẻ tín dụng trên. Do không có khả năng thanh toán nên ông T, bà T đề nghị ngân hàng xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi khoản nợ trên.

Từ các đánh giá trên, căn cứ các điều 117, 398, 401, 463, 466 Bộ luật dân sự 2017 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng , HĐXX xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A buộc ông Nguyễn Đức T, bà Trần Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng MYD.CN.75.041217 ngày 05/12/2017: Nợ gốc là 4.574.440.000 đồng, lãi trong hạn 228.596.673 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 650.071.788 đồng;

Theo thẻ tín dụng 4791392550173120 ngày 07/12/2017 nợ gốc 47.404.726 đồng, lãi trong hạn là 6.053.286 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 19.208.655 đồng;

Theo thẻ tín dụng 4365991000203001 ngày 11/12/2017 nợ gốc là 145.227.560 , lãi trong hạn 18.853.008 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 52.371.445 đồng. Tổng số tiền của các khoản vay là **5.744.672.151 đồng**.

Ông T, bà T tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ,bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc của các khoản vay trên.

[3.2] Về yêu cầu xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ngày 04/12/2017 tại Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh, Hà Nội, ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị T đã ký hợp đồng thế chấp MYD.BĐCN.20.041217 số công chứng 003939/ 2017/HĐTC - Quyền 04 TP/CC-SCC/HĐGD để thế chấp tài sản là thửa đất 73(8c) -3 tờ bản đồ 6 có diện tích đất 157,8 m², địa chỉ tại phường L, quận L, Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CL155670, số vào sổ CS46832 do Sở Tài nguyên môi trường Hà Nội cấp ngày 30/11/2017 cho ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị T. Cùng ngày Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội đã chứng nhận việc đăng ký thế chấp đối tài sản thế chấp trên.

Xét việc ký kết và thực hiện hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng TMCP A với ông Nguyễn Đức T , bà Trần Thị T là tự nguyện, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật, khi lập hợp đồng đã được công chứng và đăng ký thế chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện phần diện tích nhà đất thế chấp có diện tích đất 157,8 m², trên đất có 1 căn nhà 3 tầng xây bê tông cốt thép. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của ông T, bà T. Do vậy căn cứ Điều 317, 319, 323 Bộ luật dân sự , Hội đồng xét xử có căn cứ chấp

nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP A về việc xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp MYD.BĐCN.20.041217 số công chứng 003939/ 2017/HĐTC - Quyền 04-TP/CC –SCC/HĐGD đối với tài sản là Quyền sở hữu và sử dụng nhà đất tại thửa đất 73(8c) -3 tờ bản đồ 6, địa chỉ phường L, quận L,Hà Nội (Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất,quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CL155670, số vào sổ CS46832 do Sở Tài nguyên môi trường Hà Nội cấp ngày 30/11/2017 cho ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị T) để thu hồi nợ đối với các khoản vay trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Ánh K, anh Trần Trọng Phú, anh Trần Đình Q hiện có hộ khẩu và đang sinh sống trên thửa đất tại địa chỉ, phường L,quận L,Hà Nội.Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo cho bà K, anh P, anh Q đến tòa lấy lời khai,tham gia các buổi hòa giải công khai chứng cứ, xem xét thẩm định tài sản và phiên tòa nhưng bà K,anh P,anh Q không hợp tác và không đến tòa làm việc do vậy Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[4] Về án phí : Căn cứ theo quy định điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự , khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Nguyễn Đức T,bà Trần Thị T phải chịu số tiền án phí là 113.744.672 đồng.

Ngân hàng TMCP A được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 56.500.000 đồng theo biên lai AC/2015/0004286 ngày 15/09/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 117; 319,323, 466; 468; 476 của Bộ luật Dân sự 2015
- Căn cứ các Điều 26; 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 của UB thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với ông Nguyễn Đức T ,bà Trần Thị T về việc thanh toán nợ tín dụng.

- Buộc ông Nguyễn Đức T, bà Trần Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng MYD.CN.75.041217 ngày 05/12/2017 tính đến ngày 16/07/2019 là **5.454.838.138 đồng** (gồm nợ gốc 4.574.440.000 đồng, lãi trong hạn 228.596.673 đồng,lãi quá hạn 651.801.465 đồng)

- Buộc ông Nguyễn Đức T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ theo thẻ tín dụng 4791392550173120 ngày 07/12/2017 tính đến ngày 16/07/2019 là **72.666.667 đồng** (gồm nợ gốc 47.404.726 đồng, lãi trong hạn 6.053.286 đồng, lãi quá hạn 19.208.655 đồng); Theo thẻ tín dụng 4365991000203001 ngày 11/12/2017 tính đến ngày 16/07/2019 là **217.167.346 đồng** (gồm nợ gốc là 145.227.560 đồng, lãi trong hạn 19.568.341 đồng, lãi quá hạn 52.371.445 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Đức T, bà Trần Thị T còn phải thanh toán tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng MYD.CN.75.041217 ngày 05/12/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc; Ông Nguyễn Đức T phải thanh toán tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 05/12/2017 và ngày 11/12/2017 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc cho Ngân hàng.

2. Trường hợp ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp MYD.BĐCN.20.041217 số công chứng 003939/ 2017/HĐTC - Quyền 04- TP/CC – SCC/HĐGD đối với tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất 73(8c) -3 tờ bản đồ 6, địa chỉ phường L, quận L, Hà Nội (Theo Giấy CN Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CL155670, sổ vào sổ CS46832 do Sở Tài nguyên môi trường Hà Nội cấp ngày 30/11/2017 cho ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị T) để thu hồi nợ đối với các khoản vay trên cho Ngân hàng.

Trong trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp thì những người có hộ khẩu hoặc đang sinh sống thực tế tại diện tích trên có nghĩa vụ chuyển đi nơi khác để đảm bảo việc thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị T phải nộp 113.744.672 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP A được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 56.500.000 đồng theo biên lai thu số AC/2015/0004286 ngày 15/09/2018 của chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Đức T, bà Trần Thị T, bà Nguyễn Ánh K, anh Trần Trọng Phú, anh Trần Đình Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Khuất Thị Phương Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Xuân Miên Nguyễn Thị Thân

Khuất Thị Phương Lan

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Khuất Thị Phương Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tân

Nguyễn Thị Huyền Nga

Khuất Thị Phương Lan

